TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2020/HNGĐ - ST

Ngày 23 /4/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC – TỈNH THÓA

Với thành phần hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng

Ông Hà Văn Phấn.

*Thư ký phiên tòa:*Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án ND huyện Vĩnh Lộc.

Đại diện VKS nhân dân huyện Vĩnh Lộc tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST – HNGĐ ngày 07/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T- Sinh năm: 1976

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Số 308/5N, tổ 131, ấp T 2, xã T, huyện H, Thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Xuân M) – Sinh năm: 1975.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh T.

Anh M đã bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/01/2020 và bản tự khai ngày 10/02/2020 được công bố tại phiên toà, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

**** Về hôn nhân:*** Chị và anh Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Xuân M) kết hôn với nhau vào ngày 04/11/1998 có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Q, huyện V, tỉnh T cấp.

Chị và anh Phạm Văn M kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2017 anh M đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không để lại tin tức, địa chỉ và cũng không liên lạc gì về với gia đình và gia đình cũng không ai biết địa chỉ, nơi ở của anh M. Chị Tvà gia đình đã đi tìm anh M rất nhiều nơi, hỏi thăm bạn bè, người thân của anh M, cũng như anh em nội ngoại của hai bên gia đình nhưng đều không có tin tức gì về anh M. Đến nay anh M không thấy về và gia đình cũng không thể liên lạc được; chính quyền địa phương cũng không biết nơi cư trú, sinh sống và địa chỉ của anh Phạm Văn M. Ngày 26/7/2019 chị Phạm Thị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc tuyên bố một người mất tích đối với anh Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Xuân M), sau bốn tháng thông báo tìm kiếm người vắng mặt, vẫn không biết được tin tức của anh M, ngày 18/12/2019 Tòa án nhân đân huyện huyện Vĩnh Lộc đã mở phiên họp giải quyết việc dân sự và ra Quyết định tuyên bố anh Phạm Văn M mất tích. Kể từ khi Tòa án tuyên bố anh Phạm Văn M mất tích đến nay, anh M vẫn không có tin tức gì. Nay chị Phạm Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Xuân M).

**** Về con cái:*** Vợ chồng chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Xuân M có 02 con chung tên là: Phạm Thị Hà T – sinh ngày 29/7/1999 (giới tính: Nữ) và Phạm Thị Ngọc A – sinh ngày 26/7/2005 (giới tính: Nữ). Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay các cháu đang sống cùng chị Phạm Thị T tại: Số nhà 308/5N, tổ 131, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố H. Từ khi anh Phạm Văn M bỏ nhà đi cho đến nay, chị Phạm Thị Tlà người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu Phạm Thị Hà T và cháu Phạm Thị Ngọc A. Chị T đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thị Ngọc A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện chưa yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn cháu Phạm Thị Hà T hiện nay đã đủ tuổi thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Về tài sản và công nợ:*** Chị Phạm Thị T chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Phạm Văn M có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại xã T, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28,

điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh THóa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Văn M vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Tại phiên tòa anh M vẫn vắng mặt không có lý do, chị Phạm Thị Tcó đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Tvà anh Phạm Văn M là đúng quy định.

[2] ***Về hôn nhân:*** Căn cứ vào lời trình bày của chị Phạm Thị T, căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã Q, huyện V, tỉnh T, sổ hộ khẩu gia đình và Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" số 51/2019/QĐST - VDS ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc nên có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Xuân M) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Phạm Thị T thấy rằng: Anh Phạm Văn M đã vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 02 năm 2017 đến nay không có tin tức gì và đã được Tòa án ra Quyết định tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, thấy rằng chị T đã có thời gian chờ đợi anh M từ tháng 02/2017 đến nay không có tin tức gì, hiện tại chị có nguyện vọng tha thiết đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn M. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của chị nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T và xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn M là phù hợp với khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] ***Về con chung:*** Căn cứ vào trích lục khai sinh (bản sao) và lời trình bày của chị Phạm Thị T và biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Thị Ngọc A đủ cơ sở xác định 02 cháu Phạm Thị Hà T – sinh ngày 09/7/1999 (giới tính: Nữ) và cháu Phạm Thị Ngọc A – sinh ngày 26/7/2005 (giới tính: Nữ) là con chung của chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn M. Từ khi anh M bỏ nhà đi (tháng 02/2017) đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và nguyện vọng muốn được ở với mẹ của cháu Phạm Thị Ngọc A là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Mặt khác hiện nay anh Phạm Văn M đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Tgiao cháu Phạm Thị Ngọc A cho chị Phạm Thị T(mẹ đẻ của cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị T, chưa yêu cầu Tòa án xem

xét giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Còn cháu Phạm Thị Hà T – sinh ngày 29/7/1999 đã đủ tuổi thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

[4] ***Về tài sản và công nợ:*** Chị Phạm Thị T chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

[5] ***Về án phí:*** Chị Phạm Thị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, Điều 19, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Xuân M).

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung Phạm Thị Ngọc A – sinh ngày 26/7/2005 (giới tính: Nữ) cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T, chưa yêu cầu anh Phạm Văn M cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh Phạm Văn M trở về chị Tcó quyền làm đơn yêu cầu anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

2.3. Nếu anh Phạm Văn M trở về thì anh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm anh M thực hiện quyền này và có quyền xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tđã nộp 300.000 theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004604, ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Sơn